

Số: 112/QĐ-MNHNK

Hòa Khương, ngày 05 tháng 06 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công khai bổ sung toán năm 2025**  
**của trường Mầm non Hòa Khương**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON HÒA KHƯƠNG**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 354/QĐ-UBND ngày 23 tháng 2 năm 2016 của UBND huyện Hòa Vang về việc thành lập Trường Mầm non Hòa Khương;

Căn cứ Quyết định số 95/QĐ-PGD&ĐT ngày 23 tháng 05 năm 2024 của Trưởng Phòng Giáo Dục Đào Tạo Hòa Vang về việc bổ sung kinh phí tết Ất Tỵ và Thiết bị dạy học theo đề án phát triển giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 97/QĐ-PGD&ĐT ngày 02 tháng 06 năm 2025 của Trưởng Phòng Giáo Dục Đào Tạo Hòa Vang về việc giao bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ bổ sung.

Xét đề nghị của bộ phận tài vụ tr ư ờng m ầm non H òa Khương về việc công khai bổ sung dự toán ngân sách năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai bổ sung dự toán ngân sách giao năm 2025 của Trường mầm non Hòa Khương (theo các biểu đính kèm)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Ban giám hiệu, hội đồng sư phạm, bộ phận tài vụ, cán bộ công chức viên chức, người lao động căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT huyện Hòa Vang;
- Phòng Tài chính kế hoạch huyện Hòa Vang;
- Lưu :VT, KT



**Đỗ Nữ Lâm Thanh**

Biểu số 2 – Ban hành kèm theo thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính  
**UBND HUYỆN HÒA VANG**  
**TRƯỜNG MẦM NON HÒA KHƯƠNG**  
**Chương: 622**

### **DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-MNHNK ngày /2025 của Trường Mầm non Hòa Khương)  
 (Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước)

|           |                                                             | DVT: Ngân đồng |
|-----------|-------------------------------------------------------------|----------------|
| Số TT     | Nội dung                                                    | Dự toán năm    |
| <b>I</b>  | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí năm 2025</b> |                |
| 1         | Số thu phí, lệ phí                                          | 0              |
| 1.1       | Lệ phí                                                      | 0              |
| 1.2       | Phí                                                         | 0              |
|           | Học phí chính khóa                                          | 0              |
| 2         | Chi từ nguồn thu phí được để lại                            | 0              |
| 2.1       | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo                             | 0              |
| a         | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                              | 0              |
| b         | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                        | 0              |
| 2.2       | Chi quản lý hành chính                                      | 0              |
| a         | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                            | 0              |
| b         | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                      | 0              |
| 3         | Số phí, lệ phí nộp NSNN                                     | 0              |
| <b>II</b> | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025</b>              | <b>201.145</b> |
| 1         | <b>Chi quản lý hành chính</b>                               |                |
| 1.1       | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                            |                |
| 1.2       | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                      |                |
| 2         | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo</b>                      | <b>201.145</b> |
| 1.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                              |                |
| 1.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                        | 201.145        |

**KẾ TOÁN**



Đinh Thị Mỹ Linh

Hòa Khương, ngày 05 tháng 6 năm 2025

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**




Đỗ Nữ Lâm Thanh

Số: 123/QĐ-MN HK

Hòa Khương, ngày 30 tháng 06 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai quyết toán 6 tháng đầu năm 2025  
của trường Mầm non Hòa Khương

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON HÒA KHƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 354/QĐ-UBND ngày 23 tháng 2 năm 2016 của UBND huyện Hòa Vang về việc thành lập Trường Mầm non Hòa Khương;

Căn cứ Quyết định số 169/QĐ-PGD&ĐT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Trưởng Phòng Giáo Dục Đào Tạo Hòa Vang về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm tài chính và thực hiện dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 95/QĐ-PGD&ĐT ngày 23 tháng 05 năm 2024 của Trưởng Phòng Giáo Dục Đào Tạo Hòa Vang về việc bổ sung kinh phí tết Ất Tỵ và Thiết bị dạy học theo đề án phát triển giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 97/QĐ-PGD&ĐT ngày 02 tháng 06 năm 2025 của Trưởng Phòng Giáo Dục Đào Tạo Hòa Vang về việc giao bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ bổ sung.

Xét đề nghị của bộ phận tài vụ trường mầm non Hòa Khương về việc công khai quyết toán dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2025.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công quyết toán dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2025 của Trường mầm non Hòa Khương (theo biểu đính kèm)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Ban giám hiệu, hội đồng sư phạm, bộ phận tài vụ, cán bộ, viên chức, người lao động căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT huyện Hòa Vang;
- Lưu: VT, KT



Đơn vị: TRƯỜNG MN HOÀ KHƯƠNG

Chương: 622

**ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

| Số TT     | Nội dung                                           | Dự toán năm       | Ước thực hiện<br>quý/6 tháng | DVT: ngàn đồng |                   |
|-----------|----------------------------------------------------|-------------------|------------------------------|----------------|-------------------|
|           |                                                    |                   |                              | So sánh (%)    |                   |
|           |                                                    |                   |                              | Dự toán        | Cùng kỳ năm trước |
| <b>I</b>  | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b> |                   |                              |                |                   |
| 1         | Số thu phí, lệ phí                                 |                   |                              |                |                   |
| 1.1       | Lệ phí                                             | 0                 | 0                            | 0%             | 0%                |
| 1.2       | Phí                                                |                   |                              |                |                   |
|           | Học phí chính khóa                                 | 0                 | 0                            | 0%             | 0%                |
| 2         | Chi từ nguồn thu phí được để lại                   | 0                 | 0                            | 0%             | 0%                |
| 2.1       | Chi sự nghiệp giáo dục                             | 0                 | 0                            |                |                   |
| a         | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     | 0                 | 0                            | 0%             | 0%                |
| a1        | Kinh phí tự chủ                                    | 0                 | 0                            | 0%             | 0%                |
| a2        | Kinh phí không tự chủ                              |                   |                              | 0%             | 0%                |
| b         | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                   |                              |                |                   |
| 2.2       | Chi quản lý hành chính                             |                   |                              |                |                   |
| a         | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   |                   |                              |                |                   |
| b         | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             |                   |                              |                |                   |
| 3         | Số phí, lệ phí nộp NSNN                            |                   |                              |                |                   |
| <b>II</b> | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>              |                   |                              |                |                   |
| 1         | Chi quản lý hành chính                             |                   |                              |                |                   |
| 1.1       | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   |                   |                              |                |                   |
| 1.2       | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             |                   |                              |                |                   |
| 2         | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo</b>             | <b>12.263.797</b> | <b>5.882.814</b>             |                |                   |
| 1.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     | 10.710.702        | 5.202.402                    | 49%            | 139%              |
|           | Kinh phí tự chủ                                    | 10.710.702        | 5.202.402                    | 49%            | 139%              |
|           | Kinh phí không tự chủ                              |                   |                              |                |                   |
| 1.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               | 1.553.095         | 680.412                      | 44%            | 272%              |

Hòa Vang, ngày 30 tháng 6 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Đỗ Nữ Lâm Thanh